

THANH TRA CHÍNH PHỦ

Đề án 1 -1133/QĐ-TTg

HỎI ĐÁP
PHÁP LUẬT VỀ KHIẾU NẠI

(Tài liệu tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn)

Hà Nội, tháng 8 năm 2014

Chỉ đạo nội dung

TS. Trần Đức Lượng

Phó Tổng Thanh tra Chính phủ

Tham gia biên soạn

TS. Nguyễn Văn Kim - Hàm Vụ trưởng Vụ Pháp chế

TS. Đỗ Gia Thư - Nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp chế

TS. Nguyễn Quốc Văn - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Nguyễn Tuấn Anh - Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế

Ths. Nguyễn Thị Hải Yến - Thanh tra viên Vụ Pháp chế

LỜI NÓI ĐẦU

Luật khiếu nại đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 11/11/2011. Đây là văn bản pháp lý quan trọng, thể chế hóa quyền tố cáo của công dân được Hiến pháp ghi nhận. Tiếp nối những thành tựu đã đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật về tố cáo nói riêng, ngày 15/7/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1133/QĐ - TTg phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án “Tiếp tục tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn giai đoạn 2013 - 2016”. Trong đó, Thanh tra Chính phủ tiếp tục được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện Đề án này. Nhằm đáp ứng nhu cầu tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền theo Đề án nói trên, Thanh tra Chính phủ biên soạn và xuất bản cuốn sách **“Hỏi đáp pháp luật về khiếu nại”**.

Đây là tài liệu quan trọng và cần thiết cho việc tìm hiểu các quy định của pháp luật hiện hành về khiếu nại cho nhân dân và cán bộ làm công tác tiếp dân, giải quyết tố cáo ở cấp xã. Đặc biệt, cuốn sách sẽ giúp cán bộ và nhân dân hiểu và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ khi thực hiện việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại; nâng cao ý thức, trách nhiệm, trình độ nghiệp vụ của cán bộ, công chức cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại.

Cuốn sách được trình bày dưới dạng tài liệu tuyên truyền, nội dung ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu, thể hiện đầy đủ những quy định của pháp luật hiện hành về khiếu nại, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của cán bộ và nhân dân. Cuốn sách bao gồm 05 phần:

Phần I: Các vấn đề chung

Phần II: Quyền và nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại, luật sư, trợ giúp viên pháp lý

Phần III: Thẩm quyền giải quyết khiếu nại

Phần IV: Trình tự, thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Phần V: Các vấn đề khác

Quá trình biên soạn cuốn sách không tránh khỏi thiếu sót, Ban Biên tập rất mong nhận được sự góp ý của độc giả./.

PHẦN I CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

Câu hỏi 1. Khiếu nại là gì?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 2 Luật khiếu nại quy định khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do pháp luật quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, xét về bản chất việc thực hiện quyền khiếu nại thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân mà trong đó bên đi khiếu nại luôn luôn là công dân (hoặc cơ quan, tổ chức trong một số trường hợp) chịu sự tác động trực tiếp của quyết định, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước. Còn bên bị khiếu nại là cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước.

Khiếu nại gồm có các dấu hiệu sau:

- Chủ thể thực hiện quyền khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức.

- Đối tượng khiếu nại là các quyết định hành chính, hành vi hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước hoặc những người có thẩm quyền trong các cơ quan hành chính nhà nước, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức.

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu là chính cơ quan đã có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại.

Câu hỏi 2. Giữa khiếu nại khác và tố cáo khác nhau như thế nào?

Trả lời:

Như đề cập ở trên, khiếu nại là việc công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức theo thủ tục do pháp luật quy định, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của

cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Tổ cáo là việc công dân theo thủ tục do pháp luật quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Sự khác biệt giữa khiếu nại và tố cáo thể hiện trên các khía cạnh sau:

- Trong việc khiếu nại, cả công dân, cơ quan, tổ chức đều có quyền khiếu nại. Khác với khiếu nại, chủ thể thực hiện quyền tố cáo theo như quy định trong Luật tố cáo chỉ có thể là công dân.

- Đối tượng khiếu nại là các quyết định hành chính, hành vi hành chính tác động trực tiếp tới quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại. Đối tượng tố cáo là các hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

- Khi khiếu nại, người khiếu nại phải khiếu nại với đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Người tố cáo có thể tố cáo hành vi vi phạm pháp luật đối với bất cứ cơ quan nhà nước nào. Nếu tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết thì cơ quan nhận được có trách nhiệm chuyển đơn tố cáo và thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết; nếu người tố cáo đến tố cáo trực tiếp thì cơ quan đó có trách nhiệm hướng dẫn người tố để tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền.

Câu hỏi 3. Ai là người có quyền khiếu nại?

Trả lời:

Khoản 2 Điều 2 Luật khiếu nại quy định người khiếu nại là công dân, cơ quan, tổ chức hoặc cán bộ, công chức thực hiện việc khiếu nại. Cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức của mình, cán bộ, công chức có quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của mình. Người khiếu nại phải có năng lực hành vi dân sự

đầy đủ, trường hợp không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ hoặc vì lý do khách quan, theo quy định của pháp luật dân sự, thì công dân phải có người đại diện hợp pháp hoặc người giám hộ để thực hiện khiếu nại; cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại phải thông qua người đại diện hợp pháp.

Các chủ thể thực hiện quyền khiếu nại phải là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; việc khiếu nại phải được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định

Luật Khiếu nại cũng quy định việc khiếu nại của cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng theo quy định của Luật khiếu nại trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa XHCN Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

Câu hỏi 4. Người nào được coi là người có đủ năng lực hành vi để thực hiện quyền khiếu nại?

Trả lời

Theo quy định của Luật khiếu nại, thì người khiếu nại phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật, trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại (Điều 12 Luật Khiếu nại) . Theo Bộ luật Dân sự thì người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ phải là người đủ 18 tuổi và không bị mắc các bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không thể nhận thức hoặc điều khiển được hành vi của mình hoặc bị hạn chế năng lực hành vi do nghiện ma túy hoặc các chất kích thích khác.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp người chưa có năng lực hành vi đầy đủ có thể tự mình khiếu nại. Luật xử lý vi phạm hành chính quy định người từ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi vi phạm hành chính do mình gây ra, khi không đồng ý với quyết định xử lý hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có thể tự mình thực hiện việc khiếu nại quyết định đó.

Đối với trường hợp người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình) thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại.

Trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc khiếu nại.

Câu hỏi 5. Thế nào là quyết định hành chính mà công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại?

Trả lời:

Quyết định hành chính là văn bản của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành để quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể (khoản 8 Điều 2 Luật khiếu nại).

Như vậy một quyết định hành chính có thể bị khiếu nại khi có đủ 3 yếu tố sau:

- Bằng văn bản: khác với khái niệm về quyết định hành chính trong Luật khiếu nại, tố cáo trước đây (quyết định hành chính phải là văn bản dưới dạng quyết định) Luật khiếu nại hiện hành đã đưa ra khái niệm mở rộng hơn: quyết định hành chính là văn bản trong đó có chứa nội dung thể hiện ý chí của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Bởi vì trên thực tế có nhiều văn bản hành chính cá biệt do cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành có nội dung tác động trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Do vậy, nếu chỉ quy định chỉ bó hẹp là quyết định hành chính thì sẽ hạn chế quyền khiếu nại của công dân, cơ quan, tổ chức.

- Là văn bản cá biệt do nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành.

- Là văn bản được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Ví dụ, Chủ tịch ủy ban nhân dân ra quyết định cưỡng chế thi hành, nếu không đồng ý với quyết định này thì người bị xử lý có quyền khiếu nại đến cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền.

- Tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức

Như vậy, các quy định được áp dụng nhiều lần đối với nhiều đối tượng hoặc đối với đối tượng không xác định (văn bản quy phạm pháp luật); các quyết định không phải là của cơ quan hành chính nhà nước (của toà án, kiểm sát) thì không được coi là quyết định hành chính theo quy định của Luật khiếu nại.

Câu hỏi 6. Thế nào là hành vi hành chính mà công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại?

Trả lời:

Hành vi hành chính trong quy định của Luật khiếu nại là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật (khoản 9 Điều 2).

Khác với quyết định hành chính phải thể hiện bằng văn bản, hành vi hành chính được biểu hiện bằng những việc làm thể hiện dưới dạng hành động hoặc không hành động đối với những nhiệm vụ, công vụ được giao, thể hiện cụ thể như hành động không đúng hoặc làm trái với các quy định của pháp luật, cũng có thể là việc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ mà theo quy định của pháp luật họ phải thực hiện. Ví dụ: người có thẩm quyền không cấp phép cho công dân khi họ đã thực hiện đầy đủ thủ tục... Với việc hành động hoặc không hành động đó của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Câu hỏi 7. Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại?

Trả lời:

Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại không phải lúc nào người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia quan hệ này cũng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Tình trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là do nhận thức về pháp luật của các chủ thể liên quan còn hạn chế

hoặc do vì lợi ích chưa thoả đáng cho nên đã cố ý không thực hiện, thậm chí chống đối, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Để pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, đưa việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại đạt hiệu quả, tránh việc lợi dụng quyền khiếu nại hoặc quyền công dân để gây rối làm mất ổn định xã hội, Luật khiếu nại đã có các quy định cấm đối với một số hành vi trong quá trình khiếu nại, giải quyết khiếu nại tùy theo đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm, người có hành vi vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở kế thừa các quy định của Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998, Điều 6 của Luật khiếu nại năm 2011 đã đưa ra 9 hành vi bị nghiêm cấm. Cụ thể là: cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại; thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại; không giải quyết khiếu nại; làm sai lệch các thông tin, tài liệu, hồ sơ vụ việc khiếu nại; cố ý giải quyết khiếu nại trái pháp luật; ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định; bao che cho người bị khiếu nại; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại; cố tình khiếu nại sai sự thật; kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh trật tự công cộng; lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, người thi hành nhiệm vụ, công vụ khác; vi phạm quy chế tiếp công dân; vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 8. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được áp dụng theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.

Theo đó, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của công chức, viên chức, người lao động do mình quản lý trực tiếp. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đã giải quyết theo quy định mà còn khiếu nại; đối với đơn vị sự nghiệp công lập không có đơn vị sự nghiệp công lập cấp trên trực tiếp thì người đứng đầu cơ quan nhà nước quản lý đơn vị sự nghiệp công lập đó có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. Khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của đơn vị sự nghiệp công lập do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực là người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước cấp trên trực tiếp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước cấp dưới đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại. Đối với doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập thì Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. Đối với doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp đó có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Các vấn đề khác như quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại, thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại và Nghị định 75/2012/NĐ-CP. Việc khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; thời hiệu khiếu nại; thời hạn giải quyết khiếu nại; thẩm quyền giải quyết khiếu nại; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, người lao động trong doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định về khiếu nại, giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức của Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khiếu nại quyết định kỷ luật đối

với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm thì Bộ trưởng Bộ Nội vụ là người có thẩm quyền giải quyết.

Câu hỏi 9. Những tranh chấp trong nội bộ nhân dân được giải quyết như thế nào? Có thể khiếu nại đến cơ quan hành chính nhà nước không?

Trả lời:

Mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân phát sinh từ cơ sở, trong cuộc sống hàng ngày và có nhiều loại: mâu thuẫn hôn nhân gia đình, dân sự, hình sự. Đối với các mâu thuẫn có tính chất dân sự, để góp phần ổn định xã hội thì pháp luật hiện hành quy định các tổ hoà giải, các tổ chức quần chúng ở cơ sở sẽ tham gia giúp đỡ các bên hoà giải với nhau, tự giải quyết tranh chấp của mình.

Một số tranh chấp giữa các cá nhân phát sinh từ cơ sở sẽ do Ủy ban nhân dân cấp xã đứng ra giải quyết bằng một quyết định hành chính. Trường hợp một trong các bên không đồng tình với quyết định giải quyết thì có quyền khiếu nại. Tuy nhiên cũng có những vụ việc khiếu nại phức tạp, phát sinh tình trạng tranh chấp trong nội bộ nhân dân, nên thường kéo dài. Do đó, việc hoà giải các tranh chấp trong nội bộ nhân dân luôn được nhà nước khuyến khích nhằm hạn chế các khiếu nại phát sinh từ cơ sở. Khoản 3 Điều 5 Luật khiếu nại quy định: Nhà nước khuyến khích việc hoà giải các tranh chấp trong nội bộ nhân dân trước khi cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nhằm hạn chế khiếu nại phát sinh từ cơ sở.

Câu hỏi 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng được quy định như thế nào?

Trả lời:

Do đặc thù của lĩnh vực tố tụng nên các khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng có những điểm khác biệt so với quy định của pháp luật về khiếu nại. Vì vậy, trong những văn bản pháp luật có quy định về hoạt động tố tụng có quy định cụ thể về quyền khiếu nại và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong giải quyết các khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng như: khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng dân sự được quy định trực tiếp trong Bộ luật Tố tụng dân sự; khiếu nại

trong lĩnh vực tố tụng hình sự được quy định trực tiếp trong Bộ luật Tố tụng hình sự...

Điểm khác biệt giữa các quy định về khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng so với quy định về khiếu nại trong Luật khiếu nại là về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết các khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng phù hợp với từng hoạt động tố tụng của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành các hoạt động tố tụng.

Theo Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại những việc làm trái pháp luật của người tiến hành tố tụng dân sự hoặc của bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào trong hoạt động tố tụng dân sự; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết cho người đã khiếu nại, tố cáo biết (Điều 24). Đồng thời, Luật Tố tụng dân sự cũng quy định cụ thể về thời hiệu, thời hạn, thẩm quyền giải quyết khiếu nại trong tố tụng dân sự.

Theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại, công dân có quyền tố cáo những việc làm trái pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của các cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự hoặc của bất cứ cá nhân nào thuộc các cơ quan đó. Cơ quan có thẩm quyền phải tiếp nhận, xem xét và giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo; thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho người khiếu nại, tố cáo biết và có biện pháp khắc phục (Điều 31). Thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại trong tố tụng hình sự được quy định cụ thể trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

PHẦN II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI KHIẾU NẠI, NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI, NGƯỜI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ

Câu hỏi 11. Khi thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có những quyền gì?

Trả lời

Theo quy định tại Điều 12 Luật khiếu nại, người khiếu nại có những quyền sau đây:

- Tự mình khiếu nại; trường hợp người khiếu nại là người chưa thành niên, người bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì người đại diện theo pháp luật của họ thực hiện việc khiếu nại; trường hợp người khiếu nại ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình khiếu nại thì được ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác để khiếu nại. Quy định này nhằm bảo đảm quyền tự quyết định việc có khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình cho là đã xâm hại đối với quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

- Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật trong quá trình khiếu nại hoặc ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Khác với quy định trong Luật khiếu nại, tố cáo trước đây, người khiếu nại không chỉ có quyền nhờ luật sư giúp đỡ, tư vấn pháp luật mà còn được ủy quyền cho luật sư khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc bổ sung quy định về luật sư, trợ giúp viên pháp lý tham gia quá trình giải quyết khiếu nại là điểm mới, tiến bộ của pháp luật nhằm trợ giúp cho người dân để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Họ có thể ủy quyền cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý thay mặt mình để khiếu nại.

- Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại. Việc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại thực hiện theo pháp luật dân sự về ủy quyền.

- Được biết, đọc, sao chụp, sao chép, tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước. Đây là quy định mới so với Luật khiếu nại, tố cáo trước đây, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền của mình và giám sát quá trình giải quyết khiếu nại của cơ quan nhà nước.

- Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó cho mình trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để giao nộp cho người giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước.

- Được yêu cầu người giải quyết khiếu nại áp dụng các biện pháp khẩn cấp để ngăn chặn hậu quả có thể xảy ra do việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại.

- Đưa ra chứng cứ về việc khiếu nại và giải trình ý kiến của mình về chứng cứ đó. Quyền đưa chứng cứ và giải trình ý kiến của người khiếu nại về chứng cứ khiếu nại là quyền để người khiếu nại chứng minh các yêu cầu của mình là có căn cứ, có cơ sở.

- Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, nhận quyết định giải quyết khiếu nại.

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm; được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại toà án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Quy định này tạo điều kiện cho người khiếu nại nếu không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu thì có thể tiếp tục khiếu nại lên cấp trên trực tiếp hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại toà án.

- Rút khiếu nại: quy định này nhằm tạo điều kiện cho người khiếu nại tự xem xét lại việc khiếu nại của mình và tạo khả năng sớm chấm dứt việc khiếu nại khi họ thấy việc khiếu nại không đúng. Trong thực tế, trong quá trình khiếu nại đang được xem xét, giải quyết nếu người khiếu nại thấy việc khiếu nại của mình

là thiếu căn cứ hoặc quyền, lợi ích của mình không bị xâm phạm thì họ có quyền rút đơn, chấm dứt việc khiếu nại của mình.

Câu hỏi 12. Khi thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có những nghĩa vụ gì?

Trả lời

Điều 12 Luật khiếu nại quy định nghĩa vụ của người khiếu nại như sau:

- Khiếu nại đến đúng người có thẩm quyền giải quyết. Đây là quy định nhằm bảo đảm việc thực hiện khiếu nại được chính xác, kịp thời, tránh tốn kém thời gian, công sức của người khiếu nại và của cơ quan Nhà nước.

- Trình bày trung thực sự việc, cung cấp thông tin, tài liệu cho người giải quyết khiếu nại; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp các thông tin, tài liệu đó. Đây là một nghĩa vụ của người khiếu nại xuyên suốt cả quá trình xem xét, giải quyết vụ việc nhằm giúp cho cơ quan nhà nước thụ lý, xem xét giải quyết có những thông tin, tài liệu chính xác để đưa ra những quyết định đúng đắn.

- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Câu hỏi 13. Khi thực hiện việc khiếu nại, người bị khiếu nại có quyền gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 13 Luật khiếu nại, khi bị khiếu nại, người bị khiếu nại có quyền chứng minh cho việc làm của mình là đúng quy định pháp luật. Do vậy, họ có quyền đưa ra chứng cứ về tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; được biết, đọc, sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ do người giải quyết khiếu nại thu thập để giải quyết khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước; yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu đó để giao cho người giải quyết khiếu nại và được nhận quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

Người bị khiếu nại có quyền nhận quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai hoặc bản án, quyết

định của toà án đối với khiếu nại mà mình đã giải quyết nhưng người khiếu nại tiếp tục khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại toà án.

Câu hỏi 14. Khi bị khiếu nại, người bị khiếu nại có các nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 13 Luật khiếu nại, người bị khiếu nại có các nghĩa vụ:

- Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp tham gia đối thoại;
- Chấp hành quyết định xác minh nội dung khiếu nại của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại;
- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại, giải trình về tính hợp pháp, đúng đắn của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại khi người giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan, đơn vị kiểm tra, xác minh yêu cầu trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu;
- Chấp hành nghiêm chỉnh quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật;
- Sửa đổi hoặc hủy bỏ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại;
- Bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 15. Trường hợp nào người khiếu nại được nhờ trợ giúp viên pháp lý trong việc khiếu nại?

Trả lời:

Theo quy định của Điều 12 Luật Khiếu nại, trường hợp người khiếu nại là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, giúp người được

trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật.

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và Điều 1 Nghị định số 14/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý thì đối tượng được trợ giúp pháp lý gồm:

- Người nghèo người thuộc chuẩn nghèo theo quy định của pháp luật;
- Người có công với cách mạng được trợ giúp pháp lý theo quy định pháp luật, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng của liệt sĩ; con của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.
- Người già từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân hoặc không có nơi nương tựa;
- Người khuyết tật theo Luật người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn; người bị nhiễm chất độc hóa học, bị nhiễm HIV mà không có nơi nương tựa
- Trẻ em dưới 16 tuổi không nơi nương tựa; người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;
- Các đối tượng khác được trợ giúp pháp lý theo quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;
- Nạn nhân theo quy định của pháp luật phòng, chống mua bán người.

Như vậy theo quy định của Luật khiếu nại và pháp luật về trợ giúp pháp lý thì người khiếu nại ở trong một các trường hợp nêu trên thì được trợ giúp viên pháp lý giúp đỡ để được thực hiện việc khiếu nại hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Câu hỏi 16. Luật sư, người trợ giúp pháp lý có quyền và nghĩa vụ gì trong quá trình giải quyết khiếu nại?

Trả lời:

Để đảm bảo giải quyết nhanh chóng, chính xác, khách quan các khiếu nại, đáp ứng yêu cầu dân chủ hoá trong hoạt động giải quyết khiếu nại hành chính, Luật khiếu nại đã cụ thể hoá vai trò của luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong quá trình giải quyết khiếu nại của cơ quan hành chính, theo đó người khiếu nại có quyền nhờ luật sư, trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho luật sư, người trợ giúp pháp lý trong quá trình giải quyết khiếu nại và luật sư có quyền tham gia trong quá trình giải quyết khiếu nại

Để đảm bảo và phát huy vai trò của luật sư, trợ giúp viên pháp lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết khiếu nại hành chính, Luật khiếu nại quy định về quyền của luật sư, trợ giúp viên pháp lý trong quá trình giải quyết khiếu nại hành chính như sau: tham gia vào quá trình giải quyết khiếu nại theo đề nghị của người khiếu nại; thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại khi được ủy quyền; xác minh, thu thập chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại theo yêu cầu của người khiếu nại và cung cấp chứng cứ cho người giải quyết khiếu nại; nghiên cứu hồ sơ vụ việc, sao chụp, sao chép các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến nội dung khiếu nại để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại, trừ thông tin, tài liệu thuộc bí mật nhà nước.

Luật sư, trợ giúp viên pháp lý khi tham gia giải quyết khiếu nại có nghĩa vụ như sau: xuất trình thẻ luật sư, thẻ trợ giúp viên pháp lý và quyết định phân công trợ giúp pháp lý, giấy yêu cầu giúp đỡ về pháp luật hoặc giấy ủy quyền của người khiếu nại; thực hiện đúng nội dung, phạm vi mà người khiếu nại đã ủy quyền.

Câu hỏi 17. Người giải quyết khiếu nại lần đầu có những quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

Người giải quyết khiếu nại lần đầu có các quyền: yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có yêu cầu để làm cơ sở giải quyết khiếu nại;

quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp theo quy định tại Điều 35 của Luật khiếu nại.

Nghĩa vụ của người giải quyết khiếu nại lần đầu:

- Tiếp nhận khiếu nại và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyên khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp về việc thụ lý giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính khi người khiếu nại yêu cầu; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc giải quyết khiếu nại của mình; trường hợp khiếu nại do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyên đến thì phải thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đó theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung khiếu nại khi người khiếu nại yêu cầu; cung cấp hồ sơ giải quyết vụ việc giải quyết khiếu nại khi người giải quyết khiếu nại lần hai hoặc tòa án yêu cầu.

- Giải quyết bồi thường, bồi hoàn thiệt hại do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Ngoài ra, người giải quyết khiếu nại lần đầu có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 18. Người giải quyết khiếu nại lần hai có những quyền và nghĩa vụ gì?

Trả lời:

- Người giải quyết khiếu nại có các quyền: yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ để làm cơ sở giải quyết khiếu nại; quyết định áp dụng, hủy bỏ biện pháp khẩn; triệu tập cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia đối thoại; trưng cầu giám định; tham khảo ý kiến của hội đồng tư vấn khi xét thấy cần thiết.

- Người giải quyết khiếu nại có các nghĩa vụ: tiếp nhận, thụ lý, lập hồ sơ vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết; kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại và cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan; ra quyết định giải quyết khiếu nại và công bố quyết định giải quyết khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại khi người khiếu nại, người bị khiếu nại, tòa án yêu cầu.

PHẦN III

THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Câu hỏi 19. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh?

Trả lời:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp (Điều 17 Luật khiếu nại).

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có phòng và cơ quan tương đương phòng (Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh).

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng chuyên môn và tương đương) là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

Như vậy, theo quy định của Luật khiếu nại, thủ trưởng các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

Câu hỏi 20. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện?

Trả lời:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền:

- Giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình;

- Giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết (Điều 18 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 21. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương?

Trả lời:

Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp (Điều 19 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 22. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Giám đốc sở và cấp tương đương?

Trả lời:

Giám đốc sở và cấp tương đương có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp; giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết (Điều 20 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 23. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh?

Trả lời:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình; giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc sở và cấp tương đương đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình (Điều 21 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 24. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ?

Trả lời:

Theo quy định của Luật khiếu nại, Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, thuộc cơ quan ngang Bộ, thuộc cơ quan thuộc Chính phủ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp (Điều 22 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 25. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan ngang bộ?

Trả lời:

Bộ trưởng có thẩm quyền: giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp; giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết; giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nội dung thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của bộ, ngành đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết.

Ngoài ra, Bộ trưởng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình.

Câu hỏi 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Tổng Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra các cấp trong việc giải quyết khiếu nại?

Trả lời:

Tổng Thanh tra Chính phủ có trách nhiệm giúp Thủ tướng Chính phủ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm (Điều 24 Luật khiếu nại).

Chánh thanh tra các cấp có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp tiến hành kiểm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị việc giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp khi được giao; giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan thuộc quyền quản lý trực tiếp của thủ trưởng trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức thì kiến nghị thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp hoặc kiến nghị người có thẩm quyền áp dụng biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm (Điều 25 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 27. Vai trò của Thủ tướng Chính phủ trong công tác giải quyết khiếu nại?

Trả lời:

Trong công tác giải quyết khiếu nại, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền như sau:

- Lãnh đạo công tác giải quyết khiếu nại của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp.

- Xử lý các kiến nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ khi Tổng thanh tra Chính phủ kiến nghị áp dụng các biện pháp cần thiết để chấm dứt vi phạm, xem xét trách nhiệm, xử lý đối với người vi phạm;

- Chỉ đạo, xử lý tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

PHẦN IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHIẾU NẠI
VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHIẾU NẠI

Câu hỏi 28. Vì sao người khiếu nại phải khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết?

Trả lời:

Điều 12 Luật khiếu nại quy định người khiếu nại có nghĩa vụ khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Đây là một điều kiện quan trọng mà người khiếu nại phải thực hiện để khiếu nại của mình được tiếp nhận và giải quyết, bởi lẽ trong hoạt động quản lý nhà nước có sự phân công nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể rõ ràng giữa các cơ quan, mỗi cơ quan có phạm vi trách nhiệm khác nhau. Do đó, một vụ việc khiếu nại chỉ có thể thuộc thẩm quyền giải quyết của một cơ quan nhất định. Nếu người khiếu nại gửi đơn đến nhiều cơ quan không có thẩm quyền giải quyết dẫn đến lãng phí nhiều thời gian, tiền của cho cả người khiếu nại và các cơ quan phải xử lý đơn khiếu nại đó mà vụ việc vẫn không được giải quyết. Luật khiếu nại đã quy định rõ thẩm quyền giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước. Chính vì vậy, trước khi gửi đơn khiếu nại, người khiếu nại phải tìm hiểu xem cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết vụ việc của mình để thực hiện cho đúng, chỉ có như vậy thì khiếu nại mới được giải quyết nhanh chóng, quyền và lợi ích hợp pháp của người đi khiếu nại mới được khôi phục và bảo vệ một cách kịp thời, đúng theo quy định của pháp luật.

Câu hỏi 29. Khi không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính, người khiếu nại phải làm những gì?

Trả lời:

Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình, người khiếu nại có quyền khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính, cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trong trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì người khiếu nại có thể khiếu nại đến Bộ trưởng hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì người khiếu nại có thể khiếu nại lần đầu đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Bộ trưởng quản lý ngành, lĩnh vực hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Như vậy, điểm mới theo Luật Khiếu nại 2011 là khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi hành chính xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp mình, người khiếu nại có quyền khởi kiện ngay vụ án hành chính tại tòa án đối với quyết định, hành vi đó mà không nhất thiết phải khiếu nại với người đã ban hành hoặc có quyết định hành chính, hành vi hành chính như quy định trước đây. Đây là quy định nhằm mở rộng quyền dân chủ trong việc khiếu nại, đồng thời tạo ra nhiều cơ chế giải quyết để người dân lựa chọn.

Câu hỏi 30. Người khiếu nại có thể khiếu nại thông qua hình thức nào?

Trả lời:

Hình thức khiếu nại là cách thức thực hiện quyền khiếu nại của công dân để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 8 của Luật khiếu nại thì người khiếu nại có thể khiếu nại bằng hai hình thức là khiếu nại thông qua đơn hoặc trực tiếp đến khiếu nại.

Trường hợp khiếu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại; tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Đơn khiếu nại phải do người khiếu nại ký tên hoặc điếm chỉ.

Trường hợp người khiếu nại đến khiếu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khiếu nại hướng dẫn người khiếu nại viết đơn khiếu nại hoặc người tiếp nhận khiếu nại ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản và yêu cầu người khiếu nại ký hoặc điếm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại; tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại.

Câu hỏi 31. Ai là người đại diện cho cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền khiếu nại?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 2 Luật khiếu nại thì ngoài đối tượng là công dân có quyền khiếu nại thì các cơ quan, tổ chức khi chịu tác động của các quyết định hành chính, hành vi hành chính mà có căn cứ cho rằng các quyết định, hành vi đó trái pháp luật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì cũng có thể có quyền khiếu nại với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân.

Do đó, khi cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại của mình cần phải thông qua người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó. Theo đó, cơ quan thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là thủ trưởng cơ quan. Thủ trưởng cơ quan có thể ủy quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện quyền khiếu nại. Tổ chức, pháp nhân thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện là người đứng đầu tổ chức, pháp nhân được quy định trong quyết định thành lập tổ chức hoặc trong điều lệ của tổ chức, pháp nhân đó. Người đứng đầu tổ chức, pháp nhân có thể ủy quyền cho người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện quyền khiếu nại.

Nói như trên có nghĩa là cơ quan, tổ chức thực hiện quyền khiếu nại thông qua người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức mình. Khi tiến hành khiếu nại, người đại diện hợp pháp cho cơ quan, tổ chức đó sẽ là người ký vào đơn khiếu nại; trực tiếp đi khiếu nại, trình bày những căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính đó xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức mình và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức mình đáng được hưởng.

Câu hỏi 32. Thời hiệu khiếu nại là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Tuy nhiên, việc xác định thời hiệu khiếu nại gặp nhiều khó khăn vì trên thực tế có thể xảy ra trường hợp người khiếu nại không thực hiện được việc khiếu nại theo đúng thời hiệu, khi vụ việc liên quan đến thực hiện dự án diễn ra trong khoảng thời gian rất dài, rất khó xác định được thời điểm công dân nhận được quyết định hành chính hoặc biết được hành vi hành chính, hoặc ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, cũng rơi vào tình trạng không xác định được thời gian công

dân nhận được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Chính vì vậy mà các cơ quan thụ lý và giải quyết khiếu nại không nên cứng nhắc trong việc xác định thời hiệu khiếu nại, mà nên căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định thời hiệu cho phù hợp, tránh để sót, để lọt, nếu đơn khiếu nại có căn cứ thì nên thụ lý giải quyết để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nhân dân.

Câu hỏi 33. Trở ngại khách quan trong việc thực hiện quyền khiếu nại là gì?

Trả lời:

Luật khiếu nại đã liệt kê những trường hợp trở ngại khách quan trong việc thực hiện quyền khiếu nại như: ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc hoặc những trở ngại khách quan khác,... Tuy nhiên Luật khiếu nại cũng như các văn bản quy định chi tiết không làm rõ thế nào là trở ngại khách quan và thủ tục xác nhận để xác định những trường hợp được coi là trở ngại khách quan mà người khiếu nại không thể thực hiện được việc khiếu nại theo đúng quy định.

Pháp luật dân sự quy định sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thuộc một trong các trường hợp sau đây: sự kiện bất khả kháng là trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, địch họa; trở ngại khách quan là trường hợp đương sự không nhận được bản án, quyết định mà không phải do lỗi của họ; đương sự đi công tác ở vùng biên giới, hải đảo mà không thể gửi đơn yêu cầu thi hành án đúng hạn; tai nạn, ốm nặng đến mức mất khả năng nhận thức, phải điều trị nội trú hoặc do lỗi của cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án dân sự hoặc cơ quan, cá nhân khác dẫn đến việc đương sự không thể yêu cầu thi hành án đúng hạn hoặc đương sự chết mà chưa xác định được người thừa kế; tổ chức hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, cổ phần hóa mà chưa xác định được tổ chức, cá nhân mới có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết của Tòa án nhân dân tối cao số 02/2006/NQ-HĐTP thì định nghĩa "trở ngại khách quan" là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động như: thiên tai, địch họa, nhu cầu chiến đấu, phục vụ chiến đấu... làm cho toà án không thể giải quyết được vụ án trong thời hạn quy định... để tính thời hiệu khởi kiện dân sự.

Như vậy, dù pháp luật khiếu nại không quy định thật sự rõ ràng về “trở ngại khách quan”, nhưng người giải quyết khiếu nại và thụ lý khiếu nại nên tham khảo các quy định khác để tính thời hiệu khiếu nại cho người khiếu nại trên tinh thần bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại nói riêng, của nhân dân nói chung.

Câu hỏi 34. Trường hợp nào người khiếu nại được rút khiếu nại?

Trả lời

Rút khiếu nại là một trong những quyền của người khiếu nại được Luật khiếu nại năm 2011 kế thừa pháp luật về khiếu nại, tố cáo trước đây và được quy định thành một điều riêng. Bản chất của việc khiếu nại là người khiếu nại đề nghị xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chính họ. Do đó, khi người khiếu nại thay đổi về nhận thức hoặc vì lý do khác mà cho rằng quyết định, hành vi đó không trái pháp luật, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ có quyền rút khiếu nại. Theo quy định của Luật khiếu nại thì người khiếu nại có thể rút khiếu nại tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại; việc rút khiếu nại phải được thực hiện bằng đơn có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại; đơn xin rút khiếu nại phải gửi đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại khi nhận được đơn xin rút khiếu nại thì đình chỉ việc giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại

Việc ghi nhận quyền rút khiếu nại giúp người khiếu nại và cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiết kiệm được thời gian, công sức và tiền bạc khi người khiếu nại cảm thấy thỏa mãn với quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Câu hỏi 35. Những khiếu nại nào không được thụ lý giải quyết?

Trả lời

Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau không được thụ lý giải quyết:

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi

hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

- Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

- Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

- Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

- Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại. Cần lưu ý đơn khiếu nại mà chữ ký hoặc điểm chỉ dưới dạng bản sao (photo) không được coi là có chữ ký và điểm chỉ;

- Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

- Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

- Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

- Việc khiếu nại đã được tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của tòa án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của tòa án.

Câu hỏi 36. Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khiếu nại hay không?

Trả lời:

Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính khi họ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, trong quá trình đó, họ vẫn phải chấp hành quyết định hành chính mà họ khiếu nại. Bởi vì, cơ quan nhà nước khi ban hành quyết định hành chính phải dựa trên các yếu tố thực tế và căn cứ vào các quy định của pháp luật. Một quyết định hành chính bị

khiếu nại chưa thể coi là một quyết định bất hợp pháp mà cần phải được xem xét, đánh giá một cách khách quan, có căn cứ. Việc đánh giá quyết định đó là đúng hay không đúng thuộc quyền hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cần phải có thời gian nhất định. Luật khiếu nại cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, nếu thấy trái pháp luật thì kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh phát sinh khiếu nại.

Trong hoạt động quản lý, cơ quan nhà nước có quyền ban hành quyết định hành chính có tính chất đơn phương, mệnh lệnh và những người có liên quan có nghĩa vụ thi hành. Hoạt động quản lý nhà nước rất đa dạng, bao trùm mọi lĩnh vực, vì thế, cần rất nhiều quyết định hành chính. Nếu mỗi quyết định hành chính khi bị khiếu nại đều bị tạm ngừng thi hành thì sẽ gây ách tắc, chậm trễ, ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác quản lý. Do đó, trong khi khiếu nại, công dân vẫn có nghĩa vụ chấp hành quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính. Tuy nhiên, nếu xét thấy việc thi hành đó sẽ gây ra hậu quả khó khắc phục thì cơ quan có thẩm quyền tạm đình chỉ thi hành quyết định đó. Đồng thời, Luật khiếu nại cũng quy định khi có khiếu nại, người có thẩm quyền kiểm tra, nếu thấy quyết định đó là trái pháp luật thì sẽ sửa đổi hoặc huỷ bỏ quyết định đó để ban hành quyết định mới cho phù hợp.

Câu hỏi 37. Người khiếu nại có thể khởi kiện vụ án hành chính tại tòa hành chính trong những trường hợp nào?

Trả lời:

Người khiếu nại có thể khởi kiện ra tòa hành chính trong bất cứ thời điểm nào, trước khi khiếu nại, sau khi khiếu nại lần đầu, sau khi khiếu nại lần thứ hai, cụ thể như sau:

Khi có căn cứ cho rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình thì người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai quy định tại Điều 37 của Luật khiếu nại mà khiếu nại không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Đối với khiếu nại trong quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, việc khởi kiện tại tòa án hành chính chỉ cho phép đối với quyết định buộc thôi việc sau khi đã khiếu nại lần đầu mà không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu. Một điều cần lưu ý là cán bộ, công chức giữ chức vụ từ tổng cục trưởng trở lên không có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án đối với quyết định buộc thôi việc.

Câu hỏi 38. Khi khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án, người khởi kiện có phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khởi kiện hay không?

Trả lời:

Luật tố tụng hành chính tuy không quy định rõ khi thực hiện việc khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính tại tòa án, nguyên đơn có phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khởi kiện hay không, nhưng có quy định về việc tòa án có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như: tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính; cấm hoặc buộc thực hiện những hành vi nhất định.. Theo đó, việc tạm đình chỉ việc thi hành quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh sẽ được áp dụng nếu trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật và việc thi hành quyết định đó sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục; việc tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính sẽ được áp dụng nếu tòa án có căn cứ cho rằng hành vi hành chính đó là trái pháp luật và việc tiếp tục thực hiện hành vi hành chính đó sẽ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục.

Như vậy khi thực hiện việc khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính ra tòa án, nguyên đơn phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khởi kiện trừ khi tòa án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như đã nêu.

Câu hỏi 39. Điều kiện và thủ tục khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án?

Trả lời:

Theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2010 thì Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền giải quyết các vụ án hành chính do công dân, cơ quan, tổ chức khởi kiện.

Trước đây, theo Luật khiếu nại, tố cáo, để khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án, người khiếu nại phải đã khiếu nại lần đầu nhưng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quá thời hạn giải quyết khiếu nại mà chưa có trả lời từ cơ quan có thẩm quyền; một vụ việc đã được người khiếu nại lựa chọn khởi kiện tại tòa án thì người khiếu nại không được khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai nữa.

Tuy nhiên, hiện nay theo quy định của Luật tố tụng hành chính, người có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm bởi quyết định hành chính, hành vi hành chính có thể khởi kiện ở bất kỳ thời điểm nào, trừ khi sự việc đã được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định của tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Trường hợp người khiếu nại vừa có đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền, đồng thời có đơn khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết theo sự lựa chọn của người khiếu nại (Điều 31 Luật tố tụng hành chính). Như vậy, có thể thấy các quy định pháp luật ngày càng mở rộng và tạo điều kiện cho người dân bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua quyền khiếu nại, quyền khởi kiện.

Người khởi kiện phải viết đơn có nội dung chính sau: ngày, tháng, năm làm đơn; tòa án được yêu cầu giải quyết vụ án hành chính; tên, địa chỉ của người khởi kiện, người bị kiện; nội dung quyết định hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, nội dung giải quyết khiếu nại về danh sách cử tri hoặc tóm tắt diễn biến của hành vi hành chính; nội dung quyết định giải quyết khiếu nại (nếu có); các

yêu cầu đề nghị toà án giải quyết; cam đoan về việc không đồng thời khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Người khởi kiện là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự thì đơn khởi kiện do người đại diện theo pháp luật của những người này ký tên hoặc điểm chỉ. Kèm theo đơn khởi kiện phải có các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp (Điều 105 Luật tố tụng hành chính).

Câu hỏi 40. Khiếu nại quyết định hành chính trong hoạt động quản lý điều hành của cấp trên đối với cấp dưới có được giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại không?

Trả lời:

Công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Tuy nhiên, riêng đối với quyết định hành chính, hành chính mang tính chất chỉ đạo, điều hành, mang tính chất mệnh lệnh - phục tùng giữa các cơ quan cấp trên với cơ quan cấp dưới, giữa lãnh đạo với nhân viên thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật khiếu nại. Tất nhiên, cơ quan cấp dưới có quyền kiến nghị với cơ quan cấp trên về những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện quyết định của cơ quan cấp trên nhưng không có quyền khiếu nại quyết định đó. Chính vì vậy, để bảo đảm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước và bảo đảm tính ổn định của nền hành chính, Điều 11 của Luật khiếu nại đã quy định: quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết định hành chính, hành vi

hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định thì không thuộc đối tượng thụ lý giải quyết.

MỤC 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU

Câu hỏi 41. Hình thức văn bản thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khi nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền và đủ điều kiện thụ lý giải quyết, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo về việc thụ lý giải quyết. Văn bản thông báo thụ lý có hình thức là thông báo, theo mẫu 01-KN đính kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Thông báo thụ lý đơn khiếu nại ghi rõ ngày thụ lý; thông báo không thụ lý ghi rõ lý do không thụ lý.

Ngoài ra, nếu khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết, cơ quan nhận được đơn khiếu nại có văn bản thông báo không thụ lý đơn khiếu nại. Văn bản thông báo không thụ lý có hình thức là thông báo, theo mẫu 02-KN đính kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Câu hỏi 42. Thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Điều 27 Luật khiếu nại quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại thuộc thẩm quyền mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do.

Câu hỏi 43. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Theo quy định của Luật khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Câu hỏi 44. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu phải làm gì?

Trả lời:

Sau khi thụ lý khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại. Nội dung kiểm tra lại bao gồm: căn cứ pháp lý ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính, ban hành quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; thẩm quyền ban hành quyết định hành chính, thực hiện hành vi hành chính, ban hành quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; nội dung của quyết định hành chính, việc thực hiện hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; trình tự, thủ tục ban hành, thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; các nội dung khác (nếu có).

Sau khi kiểm tra lại, nếu thấy khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính là đúng thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu ra quyết định giải quyết khiếu nại ngay mà không phải tiến hành thủ tục xác minh.

Câu hỏi 45. Xác minh nội dung khiếu nại lần đầu được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Xác minh nội dung khiếu nại là một khâu rất quan trọng trong trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, giúp làm sáng tỏ những nội dung còn khúc mắc làm phát sinh khiếu nại và là cơ sở quan trọng để kết luận về nội dung khiếu nại.

Trong trường hợp chưa có cơ sở kết luận nội dung khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung

khiếu nại hoặc giao cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của mình (gọi chung là người có trách nhiệm xác minh - theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013) xác minh nội dung khiếu nại, kiến nghị giải quyết khiếu nại. Việc xác minh phải bảo đảm khách quan, chính xác, kịp thời thông qua các hình thức: kiểm tra, xác minh trực tiếp tại địa điểm phát sinh khiếu nại; kiểm tra, xác minh thông qua các tài liệu, chứng cứ mà người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc xác minh nội dung khiếu nại lần đầu được thực hiện dưới hình thức giao nhiệm vụ cho cán bộ đi xác minh hoặc thành lập đoàn xác minh hoặc tổ xác minh nội dung khiếu nại trong trường hợp cần thiết. Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại và quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại thực hiện theo Mẫu số 03-KN và 04-KN ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

Trong trường hợp thành lập tổ xác minh thì tổ trưởng tổ xác minh có trách nhiệm lập kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại, trình người ra quyết định thành lập tổ xác minh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại gồm: căn cứ pháp lý để tiến hành xác minh; mục đích, yêu cầu của việc xác minh; nội dung xác minh; cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải làm việc để thu thập, xác minh các thông tin, tài liệu, bằng chứng; các điều kiện, phương tiện phục vụ cho việc xác minh; dự kiến thời gian thực hiện từng công việc, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên; thời gian dự phòng để xử lý các công việc phát sinh; việc báo cáo tiến độ thực hiện; các nội dung khác (nếu có).

Câu hỏi 46. Các bước tiến hành xác minh nội dung khiếu nại?

Trả lời:

Các bước tiến hành xác minh nội dung khiếu nại được áp dụng chung cho giải quyết khiếu nại lần đầu và lần hai, cụ thể như sau:

- Bước 1: công bố quyết định xác minh nội dung khiếu nại:

Trong trường hợp cần thiết, người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh thực hiện việc công bố quyết định xác minh nội dung khiếu nại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị của người bị khiếu nại hoặc tại trụ sở cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi phát sinh khiếu nại.

- Bước 2: làm việc trực tiếp với người khiếu nại, người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại:

Người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại làm việc trực tiếp và yêu cầu người khiếu nại hoặc người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng có liên quan đến nhân thân, nội dung khiếu nại.

- Bước 3: làm việc trực tiếp với người bị khiếu nại:

Người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh làm việc trực tiếp và yêu cầu người bị khiếu nại cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung bị khiếu nại, giải trình về quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại.

- Bước 4: yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng:

Người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh gửi văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung khiếu nại.

Trong trường hợp làm việc trực tiếp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan, người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh thông báo trước thời gian, địa điểm, nội dung làm việc và yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng phục vụ cho buổi làm việc.

- Bước 5: tiếp nhận, xử lý thông tin, tài liệu, bằng chứng:

Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại hoặc người đại diện, người được ủy quyền, luật sư, trợ giúp viên pháp lý của người

khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp trực tiếp thì người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh phải lập Giấy biên nhận quy định tại Mẫu số 07-KN ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCP của Thanh tra Chính phủ.

Người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh phải đánh giá, nhận định về giá trị chứng minh của những thông tin, tài liệu, bằng chứng đã được thu thập trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, các nguyên tắc trong giải quyết khiếu nại. Thông tin, tài liệu, chứng cứ được sử dụng để kết luận nội dung khiếu nại thì phải rõ nguồn gốc, tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp.

Bước 6: Tiến hành xác minh thực tế hoặc trưng cầu giám định

Khi cần thiết, người giải quyết khiếu nại hoặc người có trách nhiệm xác minh tiến hành xác minh thực tế để thu thập, kiểm tra, xác định tính chính xác, hợp pháp, đầy đủ của các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung vụ việc khiếu nại.

Khi xét thấy cần có sự đánh giá về nội dung liên quan đến chuyên môn, kỹ thuật làm căn cứ cho việc kết luận nội dung khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ xác minh trưng cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định.

Bước 7: làm việc với các bên trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại

Trong trường hợp kết quả xác minh khác với thông tin, tài liệu, bằng chứng do người khiếu nại, người bị khiếu nại cung cấp thì người có trách nhiệm xác minh phải tổ chức làm việc với người khiếu nại, người bị khiếu nại. Trường hợp cần thiết thì mời cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan tham gia làm việc.

Câu hỏi 47. Quyền và nghĩa vụ của người xác minh? Báo cáo kết quả xác minh có nội dung nào?

Trả lời:

Người xác minh có các quyền, nghĩa vụ như: yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu và chứng cứ, nội dung khiếu nại; yêu cầu người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giải trình bằng văn bản về nội dung liên quan khiếu nại; triệu tập người khiếu nại, người bị khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; trung cầu giám định; tiến hành các biện pháp kiểm tra, xác minh khác theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả xác minh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh.

Báo cáo kết quả xác minh phải gồm các nội dung sau: đối tượng xác minh; thời gian tiến hành xác minh; người tiến hành xác minh; nội dung xác minh; kết quả xác minh; kết luận và kiến nghị nội dung giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 48. Khi nào cần phải tổ chức đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần đầu?

Trả lời:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, nếu yêu cầu của bên khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau thì người giải quyết khiếu nại tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại; việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ.

Đối thoại là một giai đoạn quan trọng trong giải quyết khiếu nại, thể hiện tinh thần công khai, dân chủ trong quá trình giải quyết khiếu nại, là cơ hội để người giải quyết khiếu nại trực tiếp lắng nghe ý kiến của các bên liên quan (người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) để làm rõ nội dung khiếu nại và những vấn đề còn khúc mắc mà có thể qua xác minh chưa phản ánh hết, từ đó có căn cứ và cơ sở giải quyết vụ việc. Quy định về đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần đầu của Luật khiếu nại cũng có điểm khác so với Luật khiếu nại, tố cáo trước đây. Nếu Luật khiếu nại, tố cáo trước đây quy định việc gặp gỡ, đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần đầu là yêu cầu bắt buộc thì Luật khiếu nại hiện nay quy định trong giải quyết khiếu nại lần đầu chỉ tổ chức đối thoại nếu yêu cầu của người khiếu nại và kết quả xác minh nội dung khiếu nại còn khác nhau. Quy định này

nhằm đơn giản hóa về thủ tục giải quyết và tiết kiệm thời gian, công sức cho người giải quyết khiếu nại và các bên có liên quan, đồng thời vẫn đảm bảo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 49. Thủ tục tiến hành đối thoại được quy định như thế nào?

Trả lời:

Việc đối thoại phải tiến hành công khai, dân chủ; người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thông báo bằng văn bản với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan biết thời gian, địa điểm, nội dung việc đối thoại. Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

Việc đối thoại phải được lập thành biên bản; biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tham gia; trường hợp người tham gia đối thoại không ký, điểm chỉ xác nhận thì phải ghi rõ lý do; biên bản này được lưu vào hồ sơ vụ việc khiếu nại. Kết quả đối thoại là một trong các căn cứ để giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 50. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có nội dung gì?

Trả lời:

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung sau đây: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên, địa chỉ người khiếu nại, người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; kết quả đối thoại (nếu có); căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; kết luận nội dung khiếu nại; giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại; giải quyết các vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại; việc bồi thường thiệt hại cho người bị khiếu nại (nếu có); quyền khiếu nại lần hai, quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án.

Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết

luận đó đề ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

Câu hỏi 51. Hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu gồm những tài liệu gì?

Trả lời:

Việc giải quyết khiếu nại phải được lập thành hồ sơ. Hồ sơ giải quyết khiếu nại bao gồm: đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp; biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có); biên bản tổ chức đối thoại (nếu có); quyết định giải quyết khiếu nại; các tài liệu khác có liên quan.

Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án thì hồ sơ đó phải được chuyển cho tòa án có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

Câu hỏi 52. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp trong giải quyết khiếu nại được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ không vượt quá thời gian còn lại của thời hạn giải quyết. Quyết định tạm đình chỉ phải được gửi cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và những người có trách nhiệm thi hành khác. Khi xét thấy lý do của việc tạm đình chỉ không còn thì phải hủy bỏ ngay quyết định tạm đình chỉ đó (Điều 35 Luật khiếu nại).

Câu hỏi 53. Thời hạn khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?

Trả lời:

Điều 33 Luật khiếu nại quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu quy định tại Điều 28 của Luật khiếu nại mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc kể từ ngày nhận được quyết định

giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày.

Đối với khiếu nại lần hai, khi khiếu nại, người khiếu nại phải gửi đơn kèm theo quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu và các tài liệu có liên quan cho người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

MỤC 3 . TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN HAI

Câu hỏi 54. Thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai như thế nào?

Trả lời:

Điều 36 Luật khiếu nại quy định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã chuyển khiếu nại đến và cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp biết; trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do. Thời hạn này tương tự như giải quyết khiếu nại lần đầu.

Luật khiếu nại còn bổ sung đối với vụ việc khiếu nại phức tạp, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại thành lập hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại.

Việc quy định về thành lập hội đồng tư vấn trong giải quyết khiếu nại là điểm mới trong Luật khiếu nại nhằm bảo đảm tính khách quan, thận trọng và chính xác của giải quyết khiếu nại. Trên thực tế, nhiều bộ, ngành địa phương áp dụng theo cách mời họp xin ý kiến trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản đối với các cơ quan liên quan đối với từng vụ việc giải quyết khiếu nại để đảm bảo tính linh hoạt trong từng vụ việc.

Câu hỏi 55. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai như thế nào?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 37 của Luật khiếu nại thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời

hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý. Như vậy, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai được quy định giống như Luật khiếu nại, tố cáo trước đây.

Câu hỏi 56. Thủ tục xác minh nội dung khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?

Trả lời:

Tương tự như việc xác minh trong giải quyết lần đầu, Luật khiếu nại quy định cụ thể về việc xác minh nội dung khiếu nại lần hai nhằm tạo cơ sở pháp lý để thực hiện hoạt động này. Theo quy định tại Điều 38 của Luật khiếu nại thì căn cứ vào nội dung, tính chất của việc khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai tự mình tiến hành xác minh, kết luận nội dung khiếu nại hoặc giao cho người có trách nhiệm xác minh nội dung khiếu nại và kiến nghị giải quyết. Việc xác minh trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và khoản 4 của Điều 29 Luật khiếu nại về xác minh nội dung khiếu nại lần đầu. Như vậy, trình tự, thủ tục xác minh nội dung khiếu nại lần hai cũng tương tự như việc xác minh trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu.

Câu hỏi 57. Việc đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Điều 39 Luật khiếu nại quy định trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại tiến hành đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại, hướng giải quyết khiếu nại. Việc tổ chức đối thoại lần hai thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật khiếu nại, tức là tương tự như việc đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần đầu.

Việc quy định về đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần hai là bắt buộc trong thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai bởi vì đối với những vụ việc khiếu nại

lần hai thường phức tạp, ý kiến của người khiếu nại với cơ quan nhà nước không thống nhất, nên các cơ quan giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại trong tất cả các trường hợp.

Câu hỏi 58. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai gồm những nội dung gì?

Trả lời:

Điều 40 Luật khiếu nại quy định quyết định giải quyết khiếu nại lần hai phải có các nội dung sau: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại; kết quả giải quyết khiếu nại của người giải quyết khiếu nại lần đầu; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; kết quả đối thoại; căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp khiếu nại là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định hành chính, chấm dứt hành vi hành chính bị khiếu nại. Trường hợp kết luận nội dung khiếu nại là sai toàn bộ thì yêu cầu người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan thực hiện nghiêm chỉnh quyết định hành chính, hành vi hành chính; việc bồi thường cho người bị thiệt hại nếu có và quyền khởi kiện vụ án hành chính tại toà án.

Câu hỏi 59. Gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?

Trả lời:

- Việc gửi quyết định giải quyết khiếu nại: khoản 1 Điều 41 Luật khiếu nại quy định trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần hai phải gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, người bị khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển khiếu nại đến.

- Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại: công khai quyết định giải quyết khiếu nại là nội dung mới của Luật khiếu nại so với Luật khiếu nại, tố cáo trước đây. Theo Điều 41 của Luật khiếu nại thì việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện đối với quyết định giải quyết

khiếu nại lần hai. Quy định này được xây dựng nhằm bảo đảm sự minh bạch trong hoạt động giải quyết khiếu nại của các cơ quan hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu của Luật phòng, chống tham nhũng.

Người giải quyết khiếu nại lần hai lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai dưới đây: công bố tại cuộc họp cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Nhằm cụ thể hóa quy định về việc công khai nói trên của Luật khiếu nại, Điều 12 Nghị định số 75/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại hướng dẫn như sau:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi có quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai có trách nhiệm công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 41 của Luật khiếu nại.

Trường hợp công bố tại cuộc họp thì thành phần tham dự cuộc họp phải bao gồm: người ra quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại hoặc người đại diện, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trước khi tiến hành cuộc họp công khai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải có văn bản thông báo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo phải trước 3 ngày làm việc.

Việc thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện trên báo nói, báo hình, báo viết, báo điện tử. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm lựa chọn một trong các phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện việc thông báo. Trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, phải công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

Số lần thông báo trên báo nói ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo hình ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo viết ít nhất 02 số phát hành; thời gian đăng tải trên báo điện tử, trên cổng thông tin điện tử hoặc trên trang thông tin điện tử ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.

Trường hợp niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại, thời gian niêm yết quyết định giải quyết khiếu nại ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Trong thực tế việc triển khai thực hiện gặp nhiều khó khăn đối với trường hợp phải công bố tại cuộc họp ở cơ quan, tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Câu hỏi 60. Hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai gồm những tài liệu gì?

Trả lời:

Điều 43 Luật khiếu nại quy định việc lập hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện tương tự như việc giải quyết khiếu nại lần đầu, bao gồm đơn khiếu nại hoặc bản ghi lời khiếu nại; tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp; biên bản kiểm tra, xác minh, kết luận, kết quả giám định (nếu có); biên bản tổ chức đối thoại (nếu có); quyết định giải quyết khiếu nại; các tài liệu khác có liên quan. Hồ sơ giải quyết khiếu nại phải được đánh số trang theo thứ tự tài liệu và được lưu giữ theo quy định của pháp luật. Trường hợp người khiếu nại khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án thì hồ sơ đó phải được chuyển cho tòa án có thẩm quyền giải quyết khi có yêu cầu.

Ngoài ra, hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai còn kèm theo ý kiến bằng văn bản của hội đồng tư vấn (nếu có). Đây là điểm khác biệt trong hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai so với hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu bởi theo quy định của Luật khiếu nại, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại có thể thành lập hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến giải quyết khiếu nại.

MỤC 4 . NHIỀU NGƯỜI KHIẾU NẠI VỀ CÙNG MỘT NỘI DUNG

Câu hỏi 61. Thủ tục khiếu nại và tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung?

Trả lời:

Thực tiễn công tác khiếu nại, giải quyết khiếu nại cho thấy, trong nhiều trường hợp, công dân không khiếu nại đơn lẻ mà tập trung đông người để khiếu

nại về cùng một nội dung của một quyết định hành chính. Việc khiếu nại như vậy thường thấy trong những vụ việc khiếu nại về đất đai, đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư. Nhiều nơi, tình trạng này đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đòi hỏi các cấp, các ngành phải có trách nhiệm giải quyết triệt để loại khiếu nại, hạn chế tình trạng công dân kéo lên cơ quan trung ương, tới các nhà riêng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước để thực hiện khiếu nại.

Để giải quyết vấn đề này đồng thời thể hiện quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong giải quyết hiệu quả khiếu nại hành chính, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xã hội, xây dựng Nhà nước của dân, do dân và vì dân, Khoản 4, Điều 8 Luật khiếu nại đã xác định trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì thực hiện như sau: đối với trường hợp nhiều người đến khiếu nại trực tiếp thì cơ quan có thẩm quyền tổ chức tiếp và hướng dẫn người khiếu nại cử đại diện để trình bày nội dung khiếu nại; người tiếp nhận khiếu nại ghi lại việc khiếu nại bằng văn bản, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm khiếu nại; tên, địa chỉ của người khiếu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại; tài liệu liên quan đến nội dung khiếu nại và yêu cầu giải quyết của người khiếu nại. Người khiếu nại phải ký tên hoặc điểm chỉ vào đơn khiếu nại. Đơn khiếu nại có đầy đủ chữ ký của những người khiếu nại và có văn bản cử người đại diện mới được thụ lý.

Câu hỏi 62. Thủ tục cử đại diện khiếu nại và nội dung văn bản cử đại diện khiếu nại?

Trả lời:

Khi nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung thì phải cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại. Người đại diện phải là người khiếu nại. Việc cử đại diện được thực hiện như sau: trường hợp có từ 5 đến 10 người khiếu nại thì cử 1 hoặc 2 người đại diện; trường hợp có từ 10 người khiếu nại trở lên thì có thể cử thêm người đại diện, nhưng không quá 5 người.

Văn bản cử người đại diện khiếu nại phải có những nội dung sau: ngày, tháng, năm; họ, tên, địa chỉ của người đại diện khiếu nại, người khiếu nại; nội dung, phạm vi được đại diện; chữ ký hoặc điểm chỉ của những người khiếu nại;

các nội dung khác có liên quan (nếu có). Người đại diện phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của việc đại diện và văn bản cử đại diện.

Câu hỏi 63. Tổ chức đối thoại trong trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Trong trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung, người khiếu nại phải cử đại diện để đối thoại với người giải quyết khiếu nại. Tuy nhiên, nhưng trên thực tế, mỗi người khiếu nại có yêu cầu khác nhau và đều có nhu cầu được đối thoại và không đồng ý với việc chỉ đối thoại với người đại diện. Vì vậy, trong trường hợp này, các bộ, ngành, địa phương cần vận dụng linh hoạt các quy định pháp luật để giải quyết yêu cầu cho người khiếu nại, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Câu hỏi 64. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xử lý tình huống nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?

Trả lời:

Khi phát sinh việc nhiều người cùng khiếu nại về cùng một nội dung ở xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) có trách nhiệm: phân công cán bộ tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp khiếu nại phức tạp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có liên quan tiếp, nghe đại diện của những người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại; chỉ đạo công an cấp xã giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại tập trung; thuyết phục, hướng dẫn người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với lực lượng bảo vệ, dân phòng giữ gìn trật tự công cộng nơi có người khiếu nại tập trung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật khiếu nại thuộc thẩm quyền; nếu khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn công dân đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

Câu hỏi 65. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp huyện trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?

Trả lời:

Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, phải hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Người phụ trách công tác tiếp công dân cấp huyện nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm: Chủ trì hoặc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) tiếp đại diện của những người khiếu nại; khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc khiếu nại và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại; theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại do mình chuyển đến.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm gặp gỡ đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại; thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Trưởng công an cấp huyện có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 66. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp tỉnh, trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?

Trả lời:

Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Người phụ trách trụ sở tiếp công dân cấp tỉnh có trách nhiệm: chủ trì hoặc tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) tiếp đại diện của những người khiếu nại; khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tham gia hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại; yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại; theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc giải quyết khiếu nại do trụ sở tiếp công dân chuyển đến.

Thủ trưởng cơ quan công an quản lý địa bàn, giám đốc công an cấp tỉnh có trách nhiệm đảm bảo an ninh, trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm gặp gỡ đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại; thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 67. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở các cơ quan Trung ương trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?

Trả lời:

Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung có trách nhiệm cử cán bộ hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại. Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền, thủ trưởng cơ

quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền, phải hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Người phụ trách Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước có trách nhiệm: chủ trì, phối hợp với đại diện các cơ quan Trung ương có liên quan và người có thẩm quyền của Ủy ban nhân dân địa phương nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tiếp người khiếu nại; khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc khiếu nại trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại; yêu cầu các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại; tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại; theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giải quyết khiếu nại do Trụ sở tiếp công dân chuyển đến; phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vận động, thuyết phục để công dân trở về địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi xảy ra vụ việc khiếu nại có trách nhiệm: trực tiếp hoặc cử người có trách nhiệm phối hợp với Trụ sở tiếp công dân của Trung ương Đảng và Nhà nước và các cơ quan chức năng có liên quan của Trung ương tiếp đại diện của những người khiếu nại; cung cấp thông tin, tài liệu về vụ việc khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền; giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền hoặc chỉ đạo cơ quan thuộc quyền quản lý giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật; vận động, thuyết phục, có biện pháp để công dân trở về địa phương.

Công an cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh quản lý địa bàn nơi người khiếu nại tập trung có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo trật tự công cộng; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

Thủ trưởng các cơ quan nhà nước có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc khiếu nại theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại; tham gia tiếp công dân, giải quyết khiếu nại có liên quan đến ngành, lĩnh vực mà mình quản lý khi được yêu cầu.

PHẦN V CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

MỤC 1. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

Câu hỏi 68. Thế nào là quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật?

Trả lời:

Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật bao gồm quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định giải quyết khiếu nại lần hai mà trong thời hạn do pháp luật quy định người khiếu nại không khiếu nại tiếp, không khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án.

Theo quy định của Luật khiếu nại, quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành mà người khiếu nại không khiếu nại lần hai; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành; đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày. Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có giá trị thi hành ngay.

Câu hỏi 69. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện như thế nào?

Trả lời

Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện như sau:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi có quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai có trách nhiệm công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức: công bố tại cuộc họp cơ quan,

tổ chức nơi người bị khiếu nại công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Trường hợp công bố tại cuộc họp thì thành phần tham dự cuộc họp phải bao gồm: Người ra quyết định giải quyết khiếu nại, người khiếu nại hoặc người đại diện, người bị khiếu nại và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trước khi tiến hành cuộc họp công khai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải có văn bản thông báo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết. Thời gian thông báo phải trước 3 ngày làm việc.

Việc thông báo quyết định giải quyết khiếu nại trên các phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện trên báo nói, báo hình, báo viết, báo điện tử. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm lựa chọn một trong các phương tiện thông tin đại chúng để thực hiện việc thông báo. Trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử, phải công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử.

Số lần thông báo trên báo nói ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo hình ít nhất 02 lần phát sóng; trên báo viết ít nhất 02 số phát hành; thời gian đăng tải trên báo điện tử, trên cổng thông tin điện tử hoặc trên trang thông tin điện tử ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo.

Trường hợp niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức đã giải quyết khiếu nại, thời gian niêm yết quyết định giải quyết khiếu nại ít nhất là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết.

Câu hỏi 70. Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại trong trường hợp thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật được quy định như thế nào?

Trả lời:

Người giải quyết khiếu nại trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; trường hợp cần thiết, yêu cầu cơ quan chức năng có biện pháp để bảo đảm việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; tổ chức thi hành hoặc chủ trì, phối hợp các tổ chức, cơ quan hữu quan thực hiện biện pháp nhằm khôi phục quyền, lợi

ích hợp pháp của người khiếu nại; kiến nghị cơ quan, tổ chức khác giải quyết những vấn đề liên quan đến việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại nếu có.

Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu sẽ có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày kể từ ngày ban hành, nếu người khiếu nại không khiếu nại lần hai. Đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn này có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai sẽ có hiệu lực pháp luật sau 30 ngày kể từ ngày ban hành. Đối với vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày. Quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật có hiệu lực thi hành ngay.

Theo quy định của Điều 45 Luật khiếu nại thì người có trách nhiệm thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, gồm có: người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Câu hỏi 71. Trách nhiệm của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật?

Trả lời:

Khi quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật, người khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm: cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của mình đã bị quyết định hành chính, hành vi hành chính trái pháp luật xâm phạm; chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết công nhận quyết định hành chính, hành vi hành chính đó đúng pháp luật; chấp hành quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền để thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật.

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chấp hành các quyết định hành chính của cơ quan có thẩm quyền để thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật khi được yêu cầu.

Câu hỏi 72. Ai có thẩm quyền trong việc xem xét lại việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật?

Trả lời:

Đây là một vấn đề phức tạp có xảy ra trên thực tế, tuy không được Luật khiếu nại quy định, nhưng để xử lý hiện trạng này, Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại đã quy định cụ thể như sau (Điều 20):

Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc khiếu nại, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc giao Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiểm tra, xem xét lại vụ việc, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức hoặc có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ việc khiếu nại, Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ kiến nghị người có thẩm quyền giải quyết lại vụ việc khiếu nại hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả kiểm tra, xem xét lại vụ việc khiếu nại được xử lý như sau:

Trường hợp Thủ tướng Chính phủ kết luận việc giải quyết khiếu nại là đúng pháp luật, người ra quyết định giải quyết khiếu nại tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và thông báo công khai chấm dứt việc xem xét, giải quyết vụ việc khiếu nại.

Trường hợp Thủ tướng Chính phủ kết luận việc giải quyết khiếu nại sai một phần hoặc sai toàn bộ, người ra quyết định giải quyết khiếu nại giải quyết lại vụ việc, sửa sai, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại và thông báo công khai việc giải quyết lại vụ việc khiếu nại.

Người giải quyết khiếu nại, người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, kết luận của Thủ tướng Chính phủ; kiến nghị của Tổng Thanh

tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc giải quyết khiếu nại.

MỤC 2. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

Câu hỏi 73. Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện trong trường hợp nào?

Trả lời:

Nhằm làm rõ về khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, Điều 47 của Luật khiếu nại quy định: khiếu nại quyết định kỷ luật là việc cán bộ, công chức theo thủ tục do Luật này quy định đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét lại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vị trí của cán bộ, công chức có những điểm khác so với những chủ thể khiếu nại khác là công dân, người nước ngoài, cho nên trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cũng có những điểm khác so với việc giải quyết khiếu nại quyết định hành chính thông thường. Chẳng hạn như việc quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ban hành. Trường hợp còn khiếu nại tiếp thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có thẩm quyền giải quyết tiếp theo. Ở đây, việc khởi kiện ra toà án để xem xét việc kỷ luật có sự hạn chế so với khiếu nại quyết định hành chính khác và Luật khiếu nại chỉ quy định việc khởi kiện ra toà án sẽ được thực hiện trong trường hợp quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

Câu hỏi 74. Thời hiệu khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Do đặc điểm quyết định kỷ luật cán bộ, công chức thường được gửi trực tiếp cán bộ, công chức đó, nên thời hiệu khiếu nại khá ngắn. Điều 48 Luật khiếu

nại quy định khiếu nại lần đầu là 15 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định kỷ luật. Thời hiệu khiếu nại lần hai là 10 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Riêng đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc thì thời hiệu khiếu nại lần hai là 30 ngày, kể từ ngày cán bộ, công chức nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu. Việc quy định thời hiệu như vậy xuất phát từ yêu cầu của trình tự giải quyết khiếu nại cán bộ, công chức là việc giải quyết thực hiện theo nguyên tắc hai lần giải quyết của cơ quan hành chính - người ra quyết định giải quyết lần đầu và cấp trên quản lý trực tiếp giải quyết lần hai.

Ngoài ra, để bảo đảm tính khả thi của các quy định về thời hiệu, nhất là khi cán bộ, công chức không thể tiến hành việc khiếu nại do các trở ngại khách quan mang lại. Luật khiếu nại đã xác định rõ trường hợp cán bộ, công chức không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại.

Câu hỏi 75. Hình thức khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được quy định như thế nào?

Trả lời:

Khiếu nại quyết định kỷ luật của cán bộ, công chức phải được thực hiện theo một hình thức khiếu nại duy nhất là khiếu nại bằng đơn. Điều này khác với khiếu nại thông thường là có thể khiếu nại bằng đơn hoặc trực tiếp trình bày khiếu nại. Đơn khiếu nại lần đầu phải được gửi đến người đã ra quyết định kỷ luật. Đơn khiếu nại lần hai được gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. Luật khiếu nại cũng quy định đơn khiếu nại phải có các nội dung như: ngày, tháng, năm; họ, tên, địa chỉ của người khiếu nại; nội dung, lý do khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và có chữ ký của người khiếu nại.

Câu hỏi 76. Thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức là bao nhiêu ngày?

Trả lời:

Cũng như việc giải quyết khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, Luật khiếu nại đã quy định cụ thể về thời hạn giải quyết khiếu nại các

quyết định kỷ luật cán bộ, công chức. Cụ thể là trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thụ lý để giải quyết và thông báo cho người khiếu nại biết. Thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Câu hỏi 77. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức?

Trả lời:

Căn cứ vào tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, của người đứng đầu các cơ quan đó và yêu cầu công tác giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức, Luật khiếu nại quy định về thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức như sau:

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật do mình ban hành.

- Trường hợp còn khiếu nại tiếp thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức quản lý cán bộ, công chức có thẩm quyền giải quyết tiếp theo.

- Đối với khiếu nại đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại, để bảo đảm nguyên tắc hai lần giải quyết đối với các khiếu nại quyết định kỷ luật, Luật khiếu nại quy định Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật mà Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã giải quyết lần đầu nhưng còn khiếu nại hoặc khiếu nại lần đầu đã hết thời hạn nhưng chưa được giải quyết. Quy định như trên nhằm tránh không quy định Thủ tướng là một cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, vì vai trò, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ là rất lớn trong mọi lĩnh vực hành pháp, nên Thủ tướng chỉ lãnh đạo chung công tác giải quyết khiếu nại của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; xử lý các kiến nghị của Tổng thanh tra Chính phủ

quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Khiếu nại; chỉ đạo, xử lý tranh chấp về thẩm quyền giải quyết khiếu nại giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Câu hỏi 78. Việc xác minh nội dung khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện như thế nào?

Trả lời:

Việc xác minh nội dung khiếu nại là một trong những nội dung mới được bổ sung của Luật khiếu nại. Việc bổ sung các thủ tục này nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế việc giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật, đồng thời tạo sự thống nhất về thủ tục trong giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật với giải quyết khiếu nại hành chính của công dân. Cụ thể như sau:

Đối với việc xác minh nội dung khiếu nại: trong quá trình giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại có trách nhiệm trực tiếp hoặc phân công người có trách nhiệm kiểm tra lại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức bị khiếu nại, xem xét nội dung khiếu nại. Nếu xét thấy nội dung khiếu nại đã rõ thì yêu cầu hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết; trường hợp nội dung khiếu nại chưa được xác định rõ thì tự mình hoặc giao người có trách nhiệm xác minh, kết luận nội dung khiếu nại.

Luật khiếu nại cũng quy định việc xác minh nội dung khiếu nại phải lập thành văn bản, báo cáo người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Sau khi có kết quả xác minh nội dung khiếu nại thì yêu cầu hội đồng kỷ luật cán bộ, công chức xem xét để đề nghị người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Câu hỏi 79. Đối thoại trong khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được tổ chức như thế nào?

Trả lời:

Đối với việc tổ chức đối thoại, Điều 53 Luật khiếu nại quy định trước khi ra quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Thành phần tham gia đối thoại bao gồm người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại chủ trì, người khiếu nại, người xác minh, những người khác có liên quan. Khi đối thoại, người giải quyết khiếu nại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người

tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình. Việc đối thoại phải được lập thành biên bản. Biên bản phải ghi rõ ý kiến của những người tham gia, kết quả đối thoại, có chữ ký của người tham gia. Trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do.

Câu hỏi 80. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có những nội dung gì?

Trả lời:

Đối với quyết định giải quyết khiếu nại, Luật khiếu nại quy định cụ thể nội dung quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, quyết định giải quyết khiếu nại lần hai. Theo Điều 54 thì quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có các nội dung như: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại; kết quả xác minh nội dung khiếu nại; kết quả đối thoại; căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ; giữ nguyên, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định kỷ luật bị khiếu nại; việc bồi thường cho người bị thiệt hại nếu có; quyền khiếu nại lần hai hoặc quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc. Sau khi ban hành, quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải được gửi cho người khiếu nại và cơ quan, tổ chức hữu quan.

Đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, Điều 56 Luật khiếu nại quy định quyết định phải có những nội dung: ngày, tháng, năm ra quyết định; tên, địa chỉ của người khiếu nại, người bị khiếu nại; nội dung khiếu nại; kết quả xác minh; kết quả đối thoại; căn cứ pháp luật để giải quyết khiếu nại; kết luận về từng vấn đề cụ thể trong nội dung khiếu nại của người bị kỷ luật và việc giải quyết của người giải quyết khiếu nại lần đầu; việc bồi thường cho người bị thiệt hại nếu có; quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án đối với quyết định kỷ luật buộc thôi việc.

Câu hỏi 81. Thế nào là quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật?

Trả lời:

Theo quy định tại Điều 57 của Luật khiếu nại thì quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật gồm có: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành nếu người khiếu nại không khiếu nại lần hai; quyết định giải quyết khiếu nại lần hai sẽ có hiệu lực sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành. Riêng trường hợp khiếu nại quyết định kỷ luật buộc thôi việc, nếu công chức không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại hoặc hết thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu, lần hai mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính

Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật được thực hiện giống như việc thi hành các quyết định giải quyết khiếu nại khác đã được giới thiệu tại Mục 1 Chương này.

MỤC 3. XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Câu hỏi 82. Việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người giải quyết khiếu nại được quy định như thế nào?

Trả lời

Người giải quyết khiếu nại nếu có một trong những hành vi sau đây hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật trong việc giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật: cản trở, gây phiền hà cho người thực hiện quyền khiếu nại; đe dọa, trả thù, trù dập người khiếu nại; thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại; không giải quyết khiếu nại; làm sai lệch các thông tin, tài liệu, hồ sơ vụ việc khiếu nại; cố ý giải quyết khiếu nại trái pháp luật; ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định; bao che cho người bị khiếu nại; can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại (Điều 67 Luật khiếu nại).

Việc xử lý kỷ luật đối với người giải quyết khiếu nại được thực hiện theo các quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức. Việc xử lý trách nhiệm hình sự được thực hiện theo các quy định của pháp luật hình sự.

Câu hỏi 83. Việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại đối với người khiếu nại và những người khác có liên quan được quy định như thế nào?

Trả lời

Thực tế phản ánh phải lúc nào người khiếu nại hoặc những người khác có liên quan cũng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là do nhận thức về pháp luật của các chủ thể nêu trên còn những điểm hạn chế hoặc do vì lợi ích chưa thoả đáng cho nên đã cố ý không thực hiện, thậm chí chống đối, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Để pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, tránh việc lợi dụng quyền khiếu nại hoặc quyền công dân để gây rối làm mất ổn định xã hội, Luật khiếu nại đã quy định tại Điều 68 người nào có một trong các hành vi sau đây hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau: cố tình khiếu nại sai sự thật; kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác tập trung đông người khiếu nại, gây rối an ninh trật tự công cộng; lợi dụng việc khiếu nại để tuyên truyền chống Nhà nước, xâm phạm lợi ích của Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, người thi hành nhiệm vụ, công vụ khác; vi phạm quy chế tiếp công dân.

Như vậy, khác với người giải quyết khiếu nại là cán bộ, công chức, hình thức xử lý đối với người khiếu nại và những người khác có liên quan khi vi phạm các quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại là xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN I: CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

<i>Câu hỏi 1. Khiếu nại là gì?</i>	3
<i>Câu hỏi 2. Giữa khiếu nại khác và tố cáo khác nhau như thế nào?</i>	3
<i>Câu hỏi 3. Ai là người có quyền khiếu nại?</i>	4
<i>Câu hỏi 4. Người nào được coi là người có đủ năng lực hành vi để thực hiện quyền khiếu nại?</i>	5
<i>Câu hỏi 5. Thế nào là quyết định hành chính mà công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại?</i>	6
<i>Câu hỏi 6. Thế nào là hành vi hành chính mà công dân, cơ quan, tổ chức có quyền khiếu nại?</i>	7
<i>Câu hỏi 7. Các hành vi nào bị nghiêm cấm trong quá trình khiếu nại và giải quyết khiếu nại?</i>	7
<i>Câu hỏi 8. Việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính trong đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước được quy định như thế nào?</i>	8
<i>Câu hỏi 9. Những tranh chấp trong nội bộ nhân dân được giải quyết như thế nào? Có thể khiếu nại đến cơ quan hành chính nhà nước không?</i>	10
<i>Câu hỏi 10. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực tố tụng được quy định như thế nào?</i>	10

PHẦN II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI KHIẾU NẠI, NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI, NGƯỜI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, LUẬT SƯ, TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ

<i>Câu hỏi 11. Khi thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có những quyền gì? ...</i>	12
<i>Câu hỏi 12. Khi thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có những nghĩa vụ gì?</i>	14
<i>Câu hỏi 13. Khi thực hiện việc khiếu nại, người bị khiếu nại có quyền gì?</i>	14
<i>Câu hỏi 14. Khi bị khiếu nại, người bị khiếu nại có các nghĩa vụ gì?</i>	15
<i>Câu hỏi 15. Trường hợp nào người khiếu nại được nhờ trợ giúp viên pháp lý trong việc khiếu nại?</i>	15
<i>Câu hỏi 16. Luật sư, người trợ giúp pháp lý có quyền và nghĩa vụ gì trong quá trình giải quyết khiếu nại?</i>	17
<i>Câu hỏi 17. Người giải quyết khiếu nại lần đầu có những quyền và nghĩa vụ gì?</i>	17

Câu hỏi 18. Người giải quyết khiếu nại lần hai có những quyền và nghĩa vụ gì? 18

PHẦN III: THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

<i>Câu hỏi 19. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và thủ trưởng cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh?</i>	20
<i>Câu hỏi 20. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện?</i>	21
<i>Câu hỏi 21. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của thủ trưởng cơ quan thuộc sở và cấp tương đương?</i>	21
<i>Câu hỏi 22. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Giám đốc sở và cấp tương đương?</i>	21
<i>Câu hỏi 23. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh?</i>	21
<i>Câu hỏi 24. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, thuộc cơ quan ngang bộ?</i>	22
<i>Câu hỏi 25. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thuộc cơ quan ngang bộ?</i>	22
<i>Câu hỏi 26. Thẩm quyền và trách nhiệm của Tổng Thanh tra Chính phủ, Chánh Thanh tra các cấp trong việc giải quyết khiếu nại?</i>	23
<i>Câu hỏi 27. Vai trò của Thủ tướng Chính phủ trong công tác giải quyết khiếu nại?</i>	23

PHẦN IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHIẾU NẠI; VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

MỤC 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KHIẾU NẠI 25

<i>Câu hỏi 28. Vì sao người khiếu nại phải khiếu nại đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết?</i>	25
<i>Câu hỏi 29. Khi không đồng ý với quyết định hành chính, hành vi hành chính, người khiếu nại phải làm những gì?</i>	25
<i>Câu hỏi 30. Người khiếu nại có thể khiếu nại thông qua hình thức nào?</i>	27
<i>Câu hỏi 31. Ai là người đại diện cho cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền khiếu nại?</i>	27
<i>Câu hỏi 32. Thời hiệu khiếu nại là bao nhiêu ngày?</i>	28
<i>Câu hỏi 33. Trở ngại khách quan trong việc thực hiện quyền khiếu nại là gì?</i>	29
<i>Câu hỏi 34. Trường hợp nào người khiếu nại được rút khiếu nại?</i>	30
<i>Câu hỏi 35. Những khiếu nại nào không được thụ lý giải quyết?</i>	30
<i>Câu hỏi 36. Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, người khiếu nại có phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khiếu nại hay không?</i>	31
<i>Câu hỏi 37. Người khiếu nại có thể khởi kiện vụ án hành chính tại tòa hành chính trong những trường hợp nào?</i>	32

<i>Câu hỏi 38. Khi khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án, người khởi kiện có phải chấp hành quyết định hành chính mà mình khởi kiện hay không?</i>	33
<i>Câu hỏi 39. Điều kiện và thủ tục khởi kiện vụ án hành chính tại tòa án?</i>	34
<i>Câu hỏi 40. Khiếu nại quyết định hành chính trong hoạt động quản lý điều hành của cấp trên đối với cấp dưới có được giải quyết theo quy định của Luật khiếu nại không?</i>	35

MỤC 2. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN ĐẦU

<i>Câu hỏi 41. Hình thức văn bản thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại được quy định như thế nào?</i>	36
<i>Câu hỏi 42. Thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu là bao nhiêu ngày?</i>	36
<i>Câu hỏi 43. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu là bao nhiêu ngày?</i>	37
<i>Câu hỏi 44. Sau khi thụ lý đơn khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu phải làm gì?</i>	37
<i>Câu hỏi 45. Xác minh nội dung khiếu nại lần đầu được thực hiện như thế nào?</i>	37
<i>Câu hỏi 46. Các bước tiến hành xác minh nội dung khiếu nại?</i>	38
<i>Câu hỏi 47. Quyền và nghĩa vụ của người xác minh? Báo cáo kết quả xác minh có nội dung nào?</i>	40
<i>Câu hỏi 48. Khi nào cần phải tổ chức đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần đầu?</i>	41
<i>Câu hỏi 49. Thủ tục tiến hành đối thoại được quy định như thế nào?</i>	42
<i>Câu hỏi 50. Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu phải có nội dung gì?</i>	42
<i>Câu hỏi 51. Hồ sơ giải quyết khiếu nại lần đầu gồm những tài liệu gì?</i>	43
<i>Câu hỏi 52. Việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp trong giải quyết khiếu nại được thực hiện như thế nào?</i>	43
<i>Câu hỏi 53. Thời hạn khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?</i>	43

MỤC 3 . TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI LẦN HAI

<i>Câu hỏi 54. Thời hạn thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai như thế nào?</i>	44
<i>Câu hỏi 55. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai như thế nào?</i>	44
<i>Câu hỏi 56. Thủ tục xác minh nội dung khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?</i>	45
<i>Câu hỏi 57. Việc đối thoại trong giải quyết khiếu nại lần hai được thực hiện như thế nào?</i>	45
<i>Câu hỏi 58. Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai gồm những nội dung gì?</i>	46
<i>Câu hỏi 59. Gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần hai được quy định như thế nào?</i>	46
<i>Câu hỏi 60. Hồ sơ giải quyết khiếu nại lần hai gồm những tài liệu gì?</i>	48
<i>Câu hỏi 61. Thủ tục khiếu nại và tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung?</i>	48

<i>Câu hỏi 62. Thủ tục cử đại diện khiếu nại và nội dung văn bản cử đại diện khiếu nại?</i>	49
<i>Câu hỏi 63. Tổ chức đối thoại trong trường hợp nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung thực hiện như thế nào?</i>	50
<i>Câu hỏi 64. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong xử lý tình huống nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?</i>	50
<i>Câu hỏi 65. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp huyện trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?</i>	51
<i>Câu hỏi 66. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp tỉnh, trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?</i>	51
<i>Câu hỏi 67. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ở các cơ quan Trung ương trong xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung?</i>	52

PHẦN V: CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

MỤC 1. THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT	54
--	-----------

<i>Câu hỏi 68. Thế nào là quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật?</i>	54
<i>Câu hỏi 69. Việc công khai quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được thực hiện như thế nào?</i>	54
<i>Câu hỏi 70. Trách nhiệm của người giải quyết khiếu nại trong trường hợp thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật được quy định như thế nào?</i>	55
<i>Câu hỏi 71. Trách nhiệm của người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật?</i>	56
<i>Câu hỏi 72. Ai có thẩm quyền trong việc xem xét lại việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật?</i>	57

MỤC 2. KHIẾU NẠI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI QUYẾT ĐỊNH KỶ LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	58
--	-----------

<i>Câu hỏi 73. Khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện trong trường hợp nào?</i>	58
<i>Câu hỏi 74. Thời hiệu khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức là bao nhiêu ngày?</i>	58
<i>Câu hỏi 75. Hình thức khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được quy định như thế nào?</i>	59
<i>Câu hỏi 76. Thời hạn giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức là bao nhiêu ngày?</i>	59

<i>Câu hỏi 77. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức?</i>	60
<i>Câu hỏi 78. Việc xác minh nội dung khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được thực hiện như thế nào?</i>	61
<i>Câu hỏi 79. Đối thoại trong khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức được tổ chức như thế nào?</i>	61
<i>Câu hỏi 80. Quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có những nội dung gì?</i>	62
<i>Câu hỏi 81. Thế nào là quyết định giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật?</i>	62

MỤC 3. XỬ LÝ VI PHẠM..... 63

<i>Câu hỏi 82. Việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người giải quyết khiếu nại được quy định như thế nào?</i>	63
<i>Câu hỏi 83. Việc xử lý hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại đối với người khiếu nại và những người khác có liên quan được quy định như thế nào?</i>	64